

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST
Ngày: 10-8-2022
V/v “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Hồng Trang.

2. Bà Nguyễn Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Long An, tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C - Sinh năm 1966 - Địa chỉ: Ấp 2, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Hồng Thị Ánh L - Sinh năm 1972 - Địa chỉ: Ấp 2, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hồng Nhật K - Sinh năm 1973 - Địa chỉ: Ấp 2, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-10-2021, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C trình bày và yêu cầu: Ngày 01-4-2020, bà Hồng Thị Ánh L và ông Hồng Nhật K đồng ý bán cho ông khoảng 9.000m² đất tại xã MQT với số tiền 300.000.000

đồng, có lập giấy mua, bán đất, bà L, ông K có lấn tay, ký tên; Bà L và ông K có nhận của ông 200.000.000 đồng, mỗi người nhận 100.000.000 đồng. Bà L ký nhận bằng giấy thỏa thuận ngày 01-4-2020. Hai bên thỏa thuận đến tháng 7-2020 bà L, ông K làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong sẽ làm thủ tục sang tên cho ông, nhưng không thực hiện. Ông đã khởi kiện yêu cầu ông K trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng và đã được giải quyết bằng quyết định công nhận hòa giải thành số 03/2021/QĐCNHGT ngày 23-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện H.

Nay ông yêu cầu bà L trả cho 100.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi theo lãi suất cơ bản của ngân hàng tính từ tháng 7-2020 đến tháng 9-2021.

Ông thống nhất việc ông Hồng Nhật B không liên quan đến việc kiện vì không có ký tên và không nhận tiền. Ông đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K với ông ngày 01-4-2020 ký bằng giấy tay vì không còn giá trị, do Tòa án giải quyết xong năm 2021.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30-6-2022, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn là bà Hồng Thị Ánh L trình bày: Ngày 01-4-2020, ông Nguyễn Văn C đến nhà nhờ bà chỉ đất của ông Hồng Nhật K ở đâu để cho ông C mua, đất do bà đang thuê của ông K để canh tác. Ông K là em ruột bà, đất do cha bà để lại, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông K nợ bà 120.000.000 đồng, ông C đề nghị trả nợ thay cho ông K, vì vậy bà có nhận số tiền 100.000.000 đồng và ký tên nhận tiền và có ký vào giấy mua bán đất và giấy thỏa thuận ngày 01-4-2020, nhưng đối với giấy mua bán đất do ông C đánh máy sẵn, bà không đọc, ông C không đọc cho bà nghe mà bắt bà phải ký tên.

Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông C vì bà không vay tiền cũng như không bán đất cho ông C, đất là của ông K và mẹ của bà. Số tiền bà đã nhận là tiền mà ông C trả nợ cho ông K để mua đất của ông K. Ông Hồng Nhật B là em ruột bà, không có tham gia thỏa thuận, không có ký tên. Bà đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01-4-2020 ký bằng giấy tay giữa ông C và ông K vì bà không có bán đất.

- Tại Bản tự khai ngày 15-7-2022, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồng Nhật K trình bày: Ông thống nhất phần trình bày của ông Nguyễn Văn C. Vào năm 2020 ông và chị ông là bà Hồng Thị Ánh L có thỏa thuận bán cho ông C diện tích đất thuộc thửa số 583 tọa lạc tại ấp 2, xã MQT với giá 300.000.000 đồng. Ông và bà L mỗi người nhận 100.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận bà L không tranh chấp diện tích trên để ông chuyển nhượng cho ông C, nhưng bà L vẫn tiếp tục canh tác đất đến nay vì vậy không làm thủ tục cho ông C được. Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà ông đã nhận được Tòa án giải quyết xong vì vậy trong vụ án này ông không có yêu cầu gì. Ông đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01-4-2020 ký bằng giấy tay giữa ông với ông C vì không còn giá trị do Tòa án đã giải quyết xong. Ông Hồng Nhật B là em ruột ông nên có đánh máy tên Bình vào giấy bán đất nhưng ông B không liên quan gì và cũng không có ký tên vào giấy mua bán đất.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H nhận xét: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo; Người tham gia tố tụng chấp hành, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, đề nghị chuyển từ “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” sang “Đòi tài sản” cho phù hợp diễn biến nội dung vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Vụ án được tiến hành hòa giải tại Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn C khởi kiện “Đòi tài sản” đối với bà Hồng Thị Ánh L, địa chỉ bà L tại xã MQT, huyện H; Xét ông Nguyễn Văn C khởi kiện bà Hồng Thị Ánh L vì cho rằng bà L có nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01-4-2020, nhưng bà L không phải bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C, nên xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp “đòi tài sản”. Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[3] Các bên đương sự thống nhất việc không đưa ông Hồng Nhật B tham gia tố tụng nên ghi nhận là phù hợp Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét ông C và ông K xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy mua, bán đất ngày 01-4-2020 giữa ông K và ông C, được đã được Tòa án nhân dân huyện H giải quyết xong ngày 23-7-2021, hai bên không còn tranh chấp hợp đồng này nên ghi nhận là phù hợp Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Xét việc ông C yêu cầu bà L phải trả 100.000.000 đồng đã nhận theo Giấy thỏa thuận ngày 01-4-2020 và và số tiền lãi theo lãi suất cơ bản của ngân hàng tính từ tháng 7-2020 đến tháng 9-2021:

[5.1] Xét Giấy thỏa thuận ngày 01-4-2020 do bà L xác lập, ký tên, điểm chỉ để ký nhận số tiền 100.000.000 đồng; bà L xác nhận chữ viết, chữ ký và dấu vân tay trong giấy thỏa thuận là của bà L, số tiền 100.000.000 đồng nêu trên là do bà L nhận. Đây là sự việc có thật được các bên thừa nhận nên ghi nhận là phù hợp Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5.2] Xét việc ông C yêu cầu bà L trả lại 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Bà L nhận tiền nhưng không tham gia quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không có căn cứ nên phải trả lại; Bà L thống nhất cho ông K chuyển quyền sử dụng đất nhưng sau đó lại đổi ý, bà L cho rằng số tiền này ông C trả nợ thay cho ông K

vì ông K nợ bà L số tiền 120.000.000 đồng, việc ông C yêu cầu bà ký 02 văn bản bà không đọc và ông C không đọc cho bà nghe. Trình bày của bà L là không có căn cứ chấp nhận. Việc bà L nhận tiền 100.000.000 đồng là có thật, nay hợp đồng không thực hiện được do không thỏa thuận được giữa các anh chị em bà L vì vướng một phần đất của cha mẹ, nên ông C yêu cầu nhận lại tiền là có căn cứ; Bà L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông K đồng ý cho ông C trả nợ thay; Quan hệ vay tài sản giữa bà L và ông K là quan hệ khác nên không đề cập trong vụ án này, bà L có quyền khởi kiện ông K theo quy định của pháp luật.

[5.3] Việc bà L đưa ra những người làm chứng là bà Nguyễn Thị Bảnh, bà Ngô Thị Chét, ông Nguyễn Văn Hóa và ông Lê Hoàng Việt để làm chứng cho bà L, nhưng những người này không biết sự việc bà L nhận tiền 100.000.000 đồng từ ông C và cũng không xác định sự việc ông K, ông C và bà L thỏa thuận số tiền 100.000.000 đồng là ông C trả nợ thay cho ông K, nên không có căn cứ xem xét, không đề cập trong bản án.

[5.4] Xét việc ông C yêu cầu bà L trả tiền lãi là có căn cứ chấp nhận; Xét việc bà L không đồng ý trả lãi của số tiền đã nhận là không có căn cứ chấp nhận. Việc bà L nhận tiền để thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng không thực hiện được nhưng không giao lại thì phải chịu lãi. Việc ông C yêu cầu thời gian tính lãi từ tháng 7-2020 đến tháng 9-2021 là tự nguyện nên ghi nhận. Về lãi suất, ông C yêu cầu áp dụng lãi cơ bản của Ngân hàng 9%/năm (0,67%/tháng) là phù hợp. Tiền lãi được tính là 9.380.000 đồng (100.000.000 đồng x 0,67%/tháng x 14 tháng từ tháng 7-2020 đến tháng 9-2021).

[5.5] Tổng cộng, bà L phải trả cho ông C 109.380.000 đồng.

[5.6] Áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án.

[6] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông C được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông C 2.850.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp; Bà L có nghĩa vụ trả cho ông C 109.380.000 đồng, bà L phải chịu 5.469.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc “Đòi tài sản” đối với bà Hồng Thị Ánh L.

Buộc bà Hồng Thị Ánh L phải trả cho ông Nguyễn Văn C 109.380.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Trả lại cho ông Nguyễn Văn C 2.850.000 đồng (Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo Biên lai thu số 0005055 ngày 07-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H).

2.2. Buộc bà Hồng Thị Ánh L phải nộp 5.469.000 đồng (Năm triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 10-8-2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương